

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 288/2025/DS-ST

Ngày: 26/8/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 - Ông Vũ Huy Hoàng.

2 - Ông Đặng Văn Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Ngô Hoàng Phương Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty T1 (VIỆT NAM)**

Tên viết tắt: Công ty T1.

Địa chỉ mới: 91 P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.)

Người đại diện: Ông **Lee Yun H.**

Địa chỉ mới: 91 P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.)

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty L.**

Địa chỉ liên hệ mới: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G T, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ liên hệ cũ: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) (giấy ủy quyền số 06/2024/GUQ-MAFC ngày 02/4/2024).

Người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty L Niềm Tin là ông **Nguyễn Phạm Thành N**, sinh năm 2000 (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ mới: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G T, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ liên hệ cũ: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) (giấy ủy quyền ngày 01/7/2024).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1995 (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ mới: 48 C, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 48 C ấp I, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của Công ty T1 (VIỆT NAM) là ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày như sau:

Ngày 12/10/2023, Công ty T1 (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T1) ký Hợp đồng tín dụng số: 4986659 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thanh T với khoản vay trị giá 37.695.000 đồng.

Sau khi ký kết, Công ty T1 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Thanh T. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 01/11/2023 đến ngày 01/10/2026.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 28/11/2023 ông Nguyễn Thanh T đã thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T1 đã giải ngân.

Công ty T1 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Nguyễn Thanh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T1 cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông Nguyễn Thanh T biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thanh T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T1.

Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Công ty nước ngoài đối với khách hàng thì ông Nguyễn Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, cụ thể là không thanh toán đúng hạn số tiền theo quy định của Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty T1.

Tính đến ngày 26/8/2025, ông Nguyễn Thanh T đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 37.215.930 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 28.636.505 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 9.122.259 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 2.650.384 đồng.

Như vậy tính đến ngày 26/8/2025 tổng số tiền ông Nguyễn Thanh T phải tất toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là: 77.625.078 đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp Công ty T1 kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T1 với tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi), tạm tính đến ngày 26/8/2025 tổng số tiền ông Nguyễn Thanh T phải tất toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là: 77.625.078 đồng.

Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Bị đơn là bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập đến Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty T1 khởi kiện ông Nguyễn Thanh T yêu cầu ông T trả ngay cho Công ty tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 26/8/2025 là 77.625.078 đồng. Đồng thời buộc ông Nguyễn Thanh T thanh toán lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên. Tại Hợp đồng, ông Nguyễn Thanh T có ghi địa chỉ tại: B, Tổ A, ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh của Công an xã T có xác

nhận như sau: “Đương sự Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại B ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện đương sự Nguyễn Thanh T không có cư trú tại B ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đương sự Nguyễn Thanh T đang cư trú tại địa chỉ D C ấp I, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh”. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh (Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh cũ).

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của Công ty T1 là ông Nguyễn Phạm Thành N vắng mặt có đơn đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N và ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thanh T nhưng ông Nguyễn Thanh T vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông Nguyễn Thanh T đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2023 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[5] Về nội dung vụ án:

Ngày 12/10/2013, Công ty T1 (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty T1) ký Căn cứ đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 4986659 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thanh T với khoản vay trị giá 37.695.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty T1 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Thanh T. Theo Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 2.183.091 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 01/11/2023 đến ngày 01/10/2026. Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 28/11/2023, ông Nguyễn Thanh T đã thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T1 đã giải ngân.

Vì vậy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025, ông Nguyễn Thanh T đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 37.215.930 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 28.636.505 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 9.122.259 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 2.650.384 đồng.

Như vậy tính đến ngày 26/8/2025 tổng số tiền ông Nguyễn Thanh T phải tất toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là: 77.625.078 đồng.

[5.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền gốc của Công ty T1 (gọi tắt là Công ty): Công ty T1 yêu cầu ông T trả nợ gốc là: 37.215.930 đồng.

Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê của Công ty T1 cho thấy kể từ ngày vay đến nay ông T đã thanh toán cho công ty được 02 kỳ (ngày 29/10/2023 thanh toán gốc, lãi, phí: 1.829.622 đồng, ngày 27/11/2023 thanh toán gốc, lãi, phí: 2.195.091 đồng) với tổng số tiền đã thanh toán là 4.024.713 đồng, sau đó ông T không thanh toán cho công ty N1.

Tại Điều 8 giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4986659 ngày 12/10/2023, quy định thanh toán nợ gốc, tiền lãi và các nghĩa vụ tài chính khác thì ông T đã nhiều lần không thanh toán đầy đủ cho Công ty tài chính. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông T đã vi phạm nghĩa vụ với Công ty T1. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên tại đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 buộc ông Nguyễn Thanh T thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T1 với số tiền nợ gốc là: 37.215.930 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của Công ty T1.

Công ty T1 yêu cầu ông T trả số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 28.636.505 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 9.122.259 đồng; Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 2.650.384 đồng.

Đồng thời phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Căn cứ khoản 8.3 Điều 8 tại giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4986659 ngày 12/10/2023, quy định thanh toán tiền lãi là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 buộc ông Nguyễn Thanh T thanh toán các khoản tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 :

- Nợ gốc: 37.215.930 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 28.636.505 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn: 9.122.259 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả: 2.650.384 đồng.

Tổng số tiền ông Nguyễn Thanh T phải thanh toán là: 77.625.078 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thanh T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4986659 ngày 12/10/2023 kể từ ngày 27/8/2025 đến ngày trả hết nợ.

[6] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh T tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích và nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 –Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.881.254 đồng (Ba triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng).

H1 lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty T1.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả ngay cho Công ty T1 (Việt Nam) tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 77.625.078 đồng (bảy mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc: 37.215.930 đồng (ba mươi bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn, chín trăm ba mươi) đồng; tiền lãi trong hạn: 28.636.505 (hai mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm linh năm) đồng; tiền lãi quá hạn: 9.122.259 (chín triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi chín) đồng; tiền lãi chậm trả: 2.650.384 (hai triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, ba trăm tám mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 27/8/2025 cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán, ông Nguyễn Thanh T còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh trên số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 4986659 ngày 12/10/2023.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất trong từng thời kỳ thì mức lãi suất tiếp tục áp dụng cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh của nguyên đơn.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.881.254 đồng (ba triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng).

- H1 lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.970 (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn, chín trăm bảy mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051943 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND KV10 – TP . HCM;

- THADS TP . HCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Phạm Thị Kim Định